

Bản án số: 39/2019/HS - ST

Ngày 30/10/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hiến Công Hanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn viết Tác

2. Ông Hà Duy Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Tô Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 40/2019/TLST - HS ngày 02/10/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST- HS ngày 14/10/2019 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn S (tên gọi khác: không), sinh năm 1977; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn B (tên gọi khác Hoàng Sơn B) và con bà Ma Thị Đ; vợ: Nông Thị Th1, con: 01 con (sinh năm 2001); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 23/7/2019 đến ngày 31/7/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Ma Văn L (tên gọi khác: không), sinh năm 1976; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã M, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ma Văn H và con bà Lưu Thị T1; vợ: Nông Thị Th2, con: 01 con (sinh năm 1998); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 23/7/2019 ngày 31/7/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn S và Ma Văn L: Ông Hà Văn*

T2- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn.
Vắng mặt có lý do

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nông Thị Th1; sinh năm 1978

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.
Vắng mặt có lý do

Người đại diện theo ủy quyền của chị Th là bà Ma Thị Đ, sinh năm 1954.
Trú tại: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Theo văn bản ủy quyền ngày 03/9/2019. Có mặt

2. Anh Ma Ngọc T3, sinh năm 1991

Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 15 giờ 45 phút, ngày 22/7/2019, tổ công tác thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn đang làm nhiệm vụ tại khu vực thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn thì phát hiện và bắt quả tang Hoàng Văn S và Ma Văn L có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Cơ quan điều tra đã thu giữ trên người Ma Văn L: 01 (một) gói được gói bằng nilon màu xanh, bên trong có 03 (ba) gói nhỏ, trong đó: 01 (một) gói chất bột màu trắng được gói bằng loại giấy màu trắng, bên ngoài bọc nilon màu xanh; 01 (một) gói chất màu trắng, dạng cục được gói bằng loại giấy màu trắng, bên ngoài được bọc bằng nilon màu xanh; 01 (một) gói chất bột màu trắng dạng cục được gói bằng loại giấy màu trắng, bên ngoài được bọc bằng nilon màu xanh và được bọc trong một tờ giấy bạc tại túi quần trước bên phải đang mặc của L; 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu SamSung, màu trắng, trong điện thoại lắp 01 (một) sim Viettel là 01 (một) sim Vinaphone.

Tang vật thu giữ trên người Hoàng Văn S: 01 (một) điện thoại di động màu đen, bàn phím bằng nhựa màu đen, nhãn hiệu Nokia. Bên trong điện thoại lắp 01 (một) sim Viettel. Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra còn thu giữ: 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Wave RSX, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 97B – 41741.

Hồi 08 giờ 00 phút ngày 23/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Ma Văn L và Hoàng Văn S. Quá trình khám xét không phát hiện và thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Tại biên bản mở niêm phong và cân xác định khối lượng 03 (ba) gói chất màu trắng thu giữ trên người Ma Văn L của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn hồi 22 giờ 00 phút ngày 22/7/2019, đã xác định được như sau:

- 01 (một) gói chất bột màu trắng được gói bằng loại giấy màu trắng, bên ngoài bọc bằng nilon màu xanh, cân riêng chất bột màu trắng có khối lượng: 0,05g (không phẩy không năm gam), niêm phong vào phong bì H2.

- 01 (một) gói chất bột màu trắng dạng cục được gói bằng loại giấy màu trắng, bên ngoài được bọc bằng nilon màu xanh và được bọc trong một tờ giấy bạc. Cân riêng mẫu chất màu trắng có khối lượng: 0,15g (không phải mười lăm gam), niêm phong vào phong bì H1.

- 01 (một) gói chất bột màu trắng dạng cục được gói bằng giấy màu trắng, bên ngoài được bọc bằng nilon màu xanh. Cân riêng mẫu chất màu trắng có khối lượng 0,18g (không phải mười tám gam), niêm phong vào phong bì H3.

Số chất bột màu trắng và cục chất màu trắng được niêm phong vào phong bì số hiệu H1, H2, H3 gửi Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn giám định chất ma túy, còn vỏ phong bì và giấy gói ban đầu được niêm phong trong phong bì mới ký hiệu H4, H5, H6, H7 nhập kho vật chứng theo quy định.

Tại Bản kết luận giám định số 119/KTHS-MT ngày 28/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận:

+ Mẫu chất bột màu trắng dạng cục trong phong bì ký hiệu H1 gửi giám định là ma túy, loại Heroin, có khối lượng là: 0,050g (không phải không năm không gam).

+ Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu H2 gửi giám định là ma túy, loại Heroin, có khối lượng là: 0,150g (không phải một năm không gam).

+ Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu H3 gửi giám định là ma túy, loại Heroin, có khối lượng là: 0,180g (không phải một tám không gam).

Sau giám định, mẫu chất trong phong bì ký hiệu H1 gửi giám định còn lại: 0,110g (không phải một một không gam), mẫu chất trong phong bì ký hiệu H2 gửi giám định còn lại: 0,020g (không phải không hai không gam), mẫu chất trong phong bì ký hiệu H3 gửi giám định còn lại: 0,140g (không phải một bốn không gam) cùng phong bì, bao gói cũ niêm phong vào phong bì mới ký hiệu T119 hoàn trả lại cho Cơ quan trưng cầu.

Quá trình điều tra, truy tố Hoàng Văn S và Ma Văn L khai nhận: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 22 tháng 7 năm 2019, Hoàng Văn S gọi điện thoại từ số thuê bao 0342.018.345 của S vào số điện thoại thuê bao 0972.817.514 của L để rủ L xuống huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mua ma túy về sử dụng, L đồng ý. Sau đó, Sự đi xe mô tô biển kiểm soát 97B1 – 417.41 của chị Nông Thị Th1 (chị Th1 là vợ của S) lên nhà L, đến nơi do sức khỏe yếu nên S bảo L điều khiển xe mô tô chở S đi. Trên đường đi L có bảo với S là có Ma Ngọc T3 nhà ở thôn Đ, xã Y, huyện C, Bắc Kạn gửi 100.000đ (một trăm nghìn đồng) để mua ma túy hộ. Khi đến trước cửa nhà T3, L dừng xe và bảo S vào gặp T3 để lấy tiền, S xuống xe và vào gặp T3 còn L đợi ở cạnh đường. T3 đưa cho S một tờ tiền 100.000đ (một trăm nghìn đồng), S cầm tiền của T3 và lấy thêm một tờ 100.000đ (một trăm nghìn đồng) của S góp vào và đưa hết cho L cầm. Sau đó, L tiếp tục chở S đi xuống Đ, Thái Nguyên. Khi xuống đến khu vực thị trấn Chợ C thì gặp một người đàn ông (không rõ tên, tuổi, địa chỉ), L và S đã hỏi mua ma túy và L đưa cho người đàn ông 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) (trong đó có 100.000đ (một trăm nghìn đồng) là tiền của S, 100.000đ (một trăm nghìn đồng) của L và 100.000đ (một trăm nghìn đồng) là tiền của T3 gửi

mua), người đàn ông đưa lại 01 (một) gói ma túy được gói bên ngoài bằng nilon màu xanh. S cầm gói ma túy từ người đàn ông rồi L chở S quay về. Trên đường về, đến khu vực dốc Đèo S thuộc thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn thì L và S dừng lại để sử dụng ma túy. Tại đây, S lấy gói ma túy vừa mua được đặt xuống đất và mở ra thì thấy bên trong có 03 (ba) gói nhỏ được bọc bên ngoài bằng nilon màu xanh, S và L mỗi người lấy 01 (một) gói mở ra thì thấy bên trong có 01 (một) lớp giấy màu trắng, mở lớp giấy màu trắng ra thì bên trong có chứa ma túy (Heroine) dạng cục. S lấy một phần ma túy trong gói của mình để sử dụng bằng cách tiêm chích, còn L cũng lấy một phần ma túy trong gói của L rồi dùng tay nghiền thành bột để sử dụng bằng hình thức đốt, hít. Sử dụng ma túy xong, S và L gói gói ma túy của mình lại như ban đầu. Để phân biệt 03 (ba) gói ma túy, L đã dùng giấy bạc mà L vừa đốt hít để gói bên ngoài gói ma túy của S, còn gói của L là ma túy dạng bột được gói bằng giấy trắng và nilon màu xanh, gói ma túy của T3 thì giữ nguyên như ban đầu. Sau đó, L điều khiển chở S đi về, khi đến cuối dốc Đ thuộc thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn thì bị Tổ công tác Công an huyện Chợ Đồn bắt giữ.

Tại bản cáo trạng số 36/CT - VKSCĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn đã truy tố các bị cáo Hoàng Văn S và Ma Văn L về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

* Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Về hình phạt chính: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn S với mức hình phạt từ 12 đến 18 tháng tù; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ma Văn L với mức hình phạt từ 12 đến 18 tù.

- Về hình phạt bổ sung: các bị cáo thuộc hộ nghèo sinh sống thuộc xã có điều kiện kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng, đề nghị căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị tịch thu tiêu hủy các phong bì đã được niêm phong dán kín không có giá trị và là vật cấm lưu hành có liên quan trong vụ án; Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước các vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo gồm: 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Samsung màu trắng thu của Ma Văn L; 01 (một) điện thoại di động có màu sơn đen bàn phím bằng nhựa màu đen, nhãn hiệu Nokia thu của Hoàng Văn S. Điện thoại đã qua sử dụng; Trả lại cho chị Nông Thị Th1: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda wave RSX, màu sơn đỏ, đen, biển kiểm soát là 97B1 – 41741. Xe đã qua sử dụng; Trả lại cho anh Ma Ngọc T3: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

- Về án phí: Bị cáo sự thuộc diện hộ nghèo, bị cáo L là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn theo quy định của chính phủ nên được miễn án phí HSST theo quy định.

* Người bào chữa vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã gửi bản Luận cứ bào chữa cho Hội đồng xét xử, nội dung quan điểm nhất trí với kết luận của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh thực tế của các bị cáo là người nghiện chất ma túy, trong đó bị cáo S mắc bệnh xã hội đang phải dùng thuốc điều trị; các bị cáo thật sự ăn năn hối cải, từ đó người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử quyết xử phạt các bị cáo, mỗi bị cáo 12 tháng tù. Về án phí: Bị cáo S thuộc diện hộ nghèo, bị cáo L là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn theo quy định của chính phủ đề nghị miễn án phí HSST cho các bị cáo theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo L khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố; bị cáo L khai: Ngày 22/7/2019 bị cáo L có được hỏi vay anh T3 số tiền 100.000đ (một trăm nghìn đồng) và xác định lời khai tại phiên tòa là tự nguyện và đúng thực tế, còn lời khai tại cơ quan khai nhận tiền T đưa là tiền T gửi mua ma túy là không đúng- vì mục đích bị cáo khai như vậy là nhằm để giảm nhẹ hình phạt cho bản thân. Lời khai của bị cáo L phù hợp với lời khai của anh Ma Ngọc T. Các bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chợ Đồn, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện Chợ Đồn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Hoàng Văn S và Ma Văn L khai nhận:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 22 tháng 7 năm 2019, Hoàng Văn S và Ma Văn L cùng nhau đi xe ô tô nhãn hiệu Honda Wave RXS biển kiểm soát 97B1 – 417.41 xuống huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tìm mua ma túy về sử dụng. Khi đến khu vực thị trấn Chợ C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, S và L đã mua với một người đàn ông lạ mặt 01 (một) gói ma túy (heroin) được gói bên ngoài bằng nilon màu xanh với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Trên đường về đến khu vực thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn thì S và L dừng lại để sử dụng một phần số ma túy vừa mua được. Sau khi sử dụng ma túy xong, S và L tiếp tục đi về. Khi tới khu vực cuối dốc Đèo S thuộc thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn thì bị tổ công tác Công an huyện

Chợ Đồn bắt quả tang và thu giữ trên người Ma Văn L 01 (một) gói ma túy (heroin) được bọc bằng nilon màu xanh, mở ra bên trong có 03 (ba) gói ma túy. Cân trọng lượng từng gói xác định được khối lượng như sau: 01 (một) gói có khối lượng: **0,150g (không thấy một năm không gam)**, 01 (một) gói có khối lượng là: **0,05g (không thấy không năm không gam)**; 01 (một) gói có khối lượng: **0,180g (không thấy một tám không gam)**. Tổng khối lượng cả gói là: **0,380g (không thấy ba tám không gam)** đều là ma túy, loại Heroin.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng là vi phạm pháp luật nhưng vì các bị cáo nghiện chất ma túy để thỏa mãn nhu cầu của bản thân, các bị cáo vẫn thực hiện. Bị cáo S và L cùng thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng khối lượng ma túy là **0,380g (không thấy ba tám không gam)**. Hội đồng xét xử xét có đủ căn cứ xác định việc truy tố, xét xử các bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo thực hiện: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương nên cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh mới đủ sức giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

Bị cáo Hoàng Văn S được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 BLHS - là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đồng thời bị cáo có bố đẻ là Hoàng Văn B (tên gọi khác Hoàng Sơn B) được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến sĩ vẻ vang, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Ma Văn L được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS - là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. đồng thời bị cáo có bố đẻ là Ma Văn H được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng nhì, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về hình phạt: Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố; Bản luận cứ bào chữa của người bào chữa; căn cứ tính chất, mức độ của hành vi, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Mức hình phạt mà đại diện VKS và người bào chữa đề nghị là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, qua các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thể hiện: Bản thân các bị cáo đều không có thu nhập, sống ở vùng có điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Xét về vật chứng:

- 01 (một) phong bì ký hiệu H5 đã được niêm phong dán kín; 01 (một) phong bì ký hiệu H6 đã được niêm phong dán kín; 01 (một) phong bì ký hiệu H4 đã được niêm phong dán kín; 01 (một) phong bì ký hiệu H7 đã được niêm phong dán kín; 01 (một) phong bì ký hiệu T119 đã được niêm phong dán kín - xác định là vật chứng không có giá trị sử dụng và vật cấm lưu hành. Tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu SamSung màu trắng; 01 (một) điện thoại di động có màu sơn đen, bàn phím bằng nhựa màu đen, nhãn hiệu Nokia. Điện thoại đã qua sử dụng. Xác định liên quan đến hành vi phạm tội cần phải tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, vỏ bằng nhựa màu đen, viền màu đỏ, điện thoại cũ đã qua sử dụng (thu giữ của Ma Ngọc T3) – xác định không liên quan đến vụ án, trả lại cho anh T3.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda wave RSX, màu sơn đỏ, đen, biển kiểm soát là 97B1 – 417.41. Xe đã qua sử dụng - xác định là tài sản quản lý hợp pháp của chị Nông Thị Th1 không liên quan đến hành vi phạm tội, trả lại cho chị Th1.

[7] Đối với Ma Ngọc T3, ngày 22/7/2019 có được cho Ma Văn L vay số tiền 100.000đ (một trăm nghìn đồng) nhưng khi cho vay T1 không biết mục đích L vay tiền để làm gì. Vì vậy, không đủ cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự đối với T3. Số tiền T1 cho L vay là quan hệ dân sự không liên quan đến vụ án nên không xem xét giải quyết.

[8] Về chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 97B1 – 417.41 mà Ma Văn L chở Hoàng Văn S đi mua ma túy, quá trình điều tra đã xác định chiếc xe này thuộc sở hữu của chị Nông Thị Th1 (vợ của Hoàng Văn S), giấy đăng ký xe đứng tên chị Nông Thị Th1. Ngày 22 tháng 7 năm 2019 khi S mang xe đi mua ma túy chị Th1 và gia đình không biết, vì vậy không xem xét trách nhiệm hình sự đối với chị Th1. Ngày 03/9/2019 chị Th1 đã có giấy ủy quyền cho bà Ma Thị Đ tham gia các hoạt động tố tụng từ giai đoạn truy tố, xét xử và thi hành án. Việc ủy quyền là hợp pháp và đúng pháp luật. Chiếc xe không liên quan đến vụ án vì vậy cần trả lại chiếc xe máy cho chị Nông Thị Th1, thủ tục trả xe thông qua người đại diện được ủy quyền là bà Ma Thị Đ.

[9] Xét về án phí: Các bị cáo thuộc diện hộ nghèo, sinh sống ở vùng dân tộc thiểu số và có đơn xin miễn nộp án phí. Căn cứ Nghị quyết 326 của Quốc hội miễn nộp án phí HSST cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn S và Ma Văn L phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"

[1]. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn S 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/7/2019 đến ngày 31/7/2019.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Ma Văn L 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/7/2019 đến ngày 31/7/2019.

Hình phạt bổ sung (phạt tiền): Không phạt tiền đối với các bị cáo

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

- Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 (một) phong bì ký hiệu H5 đã được niêm phong dán kín, trên phong bì có ghi “*Vỏ giấy gói ban đầu gói chất bột màu trắng (gói 1) tạm giữ được của Ma Văn L ngày 22/7/2019*”; 01 (một) phong bì ký hiệu H6 đã được niêm phong dán kín, trên phong bì có ghi “*Vỏ giấy gói chất bột màu trắng dạng cục (gói 3) tạm giữ được của Ma Văn L ngày 22/7/2019*”; 01 (một) phong bì ký hiệu H4 đã được niêm phong dán kín, trên phong bì có ghi “*Vỏ giấy gói ban đầu gói chất bột màu trắng dạng cục (gói 2) tạm giữ được của Ma Văn L ngày 22/7/2019*”; 01 (một) phong bì ký hiệu H7 đã được niêm phong dán kín, trên phong bì có ghi “*Vỏ giấy gói và phong bì niêm phong ban đầu ký hiệu L1*”; 01 (một) phong bì ký hiệu T119 đã được niêm phong dán kín, trên phong bì có ghi “*Vụ Ma Văn L (1976) và Hoàng Văn S (1977) Tàng trữ trái phép chất ma túy xảy ra ngày 22/7/2019*”

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu SamSung màu trắng; bên trong điện thoại lắp hai sim, một sim Viettel có số seri bốn số cuối là 1090, một sim Vinaphone có số seri bốn số cuối là 3362; IMEI có bốn số cuối là 0649 và số IMEI 2 có bốn số cuối là 0647. Điện thoại đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động có màu sơn đen, bàn phím bằng nhựa màu đen, nhãn hiệu Nokia. Bên trong lắp một sim Viettel có bốn số seri cuối là 2004, số IMEI có bốn số cuối là 666/3. Điện thoại đã qua sử dụng.

- Trả cho anh Ma Ngọc T3 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, vỏ bằng nhựa màu đen, viền màu đỏ, bên trong có một sim Viettel 4G có ba số seri cuối là 557, điện thoại cũ đã qua sử dụng (thu giữ của Ma Ngọc T3);

- Trả cho chị Nông Thị Th1 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda wave RSX, màu sơn đỏ, đen, biển kiểm soát là 97B1 – 41741; số máy JA32E – 1070258; số khung RLHJA 321 XEY 036988. Xe đã qua sử dụng. Thủ tục trả xe thông qua người đại diện được ủy quyền là bà Ma Thị Đ, trú tại: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn).

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ma Ngọc T3, người đại diện theo ủy quyền của chị Nông Thị Th1 bà Ma Thị Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh;
- VKSND Chợ Đồn;
- Công an Chợ Đồn;
- THADS Chợ Đồn;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tt khác;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hiến Công Hanh

